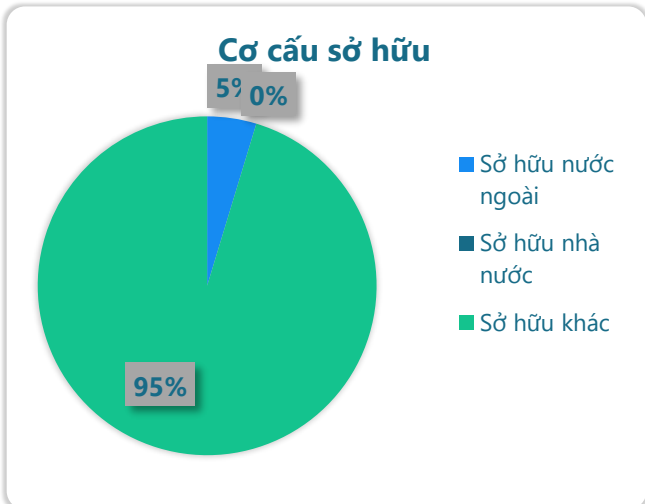


Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Ngày 29/12/2023	10,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.7%	2.9%	-2.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,288 - 13,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39,084
Số lượng CPLH (CP)	3,618,901,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,161,995
Sở hữu nước ngoài	4.7%
Beta	1.31
EPS	2,064
P/E	5.2



Tổng thu nhập 2023

21,328,3

triệu VNĐ

YoY: ▲ 1,987,415|

Thu nhập lãi thuần

19,285,3

triệu VNĐ

YoY: ▲ 1,735,269 | 9.9%

LN sau thuế 2023

7,324,75

triệu VNĐ

YoY: ▼404,160| -5.2%

YOEA
2023

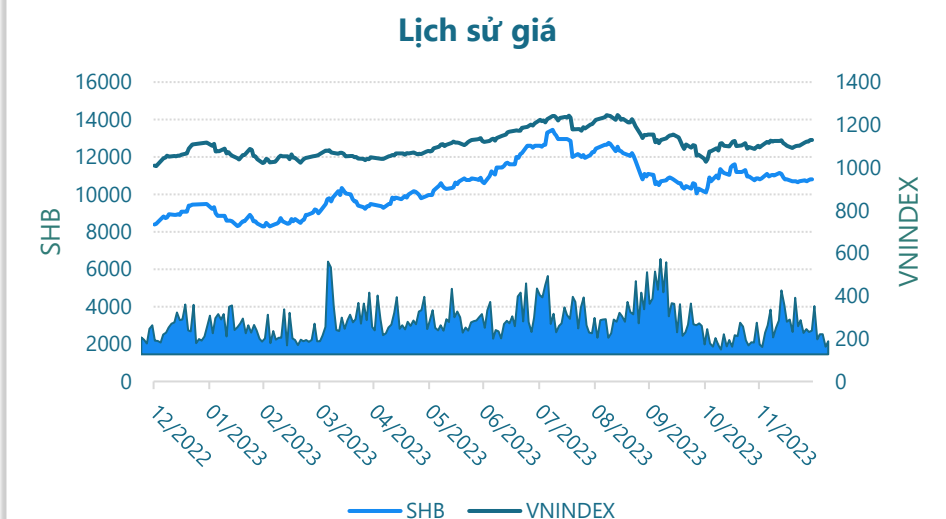
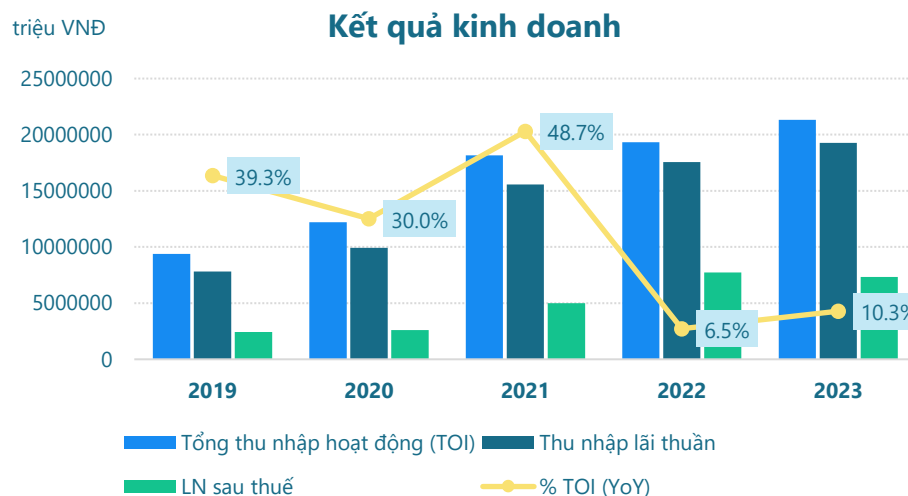
10.5%

YoY: +/-▲ 2.1%

NIM
2023

3.5%

YoY: +/- ▼ 0.1%

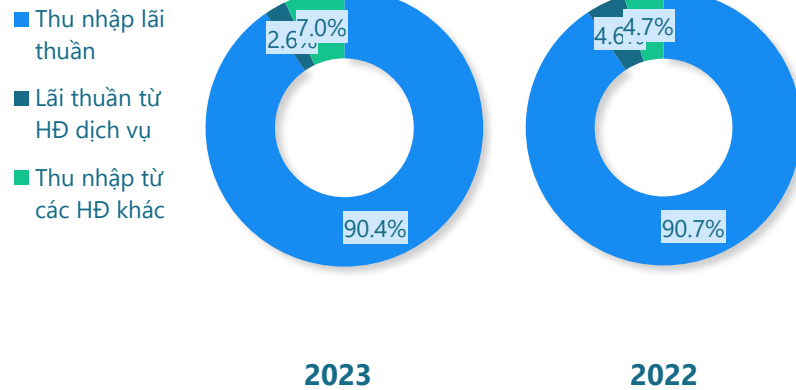


Tổng thu nhập hoạt động của **SHB** năm **2023 tăng trưởng 10.3%** so với năm trước, đạt **21,328,397** tỷ đồng. Trong đó thu nhập lãi thuần cũng **tăng trưởng 9.89%**, đạt **19,285,353** tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế **sụt giảm 5.23%** so với năm trước đạt **7,324,758** tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **tăng thêm 2.07%** so với năm trước đạt **10.5%**, và cũng **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.12%** ở mức **3.53%**, **cao hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Thu nhập thuần



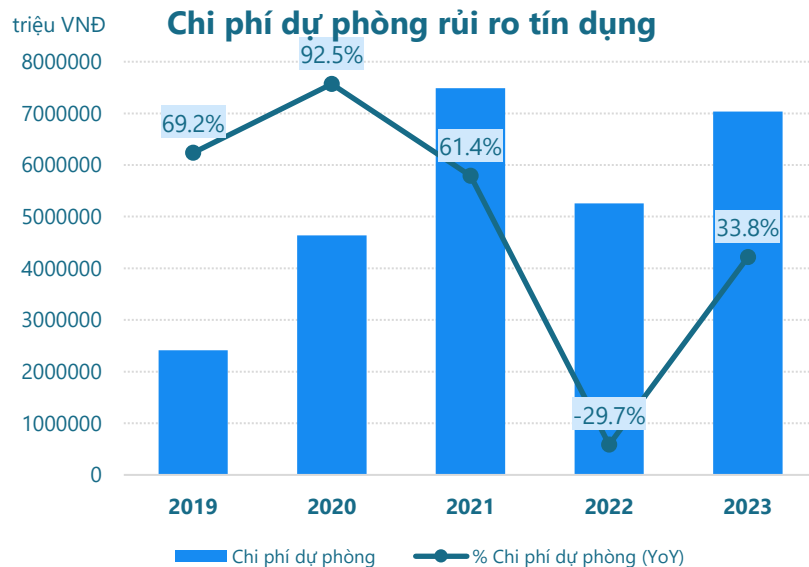
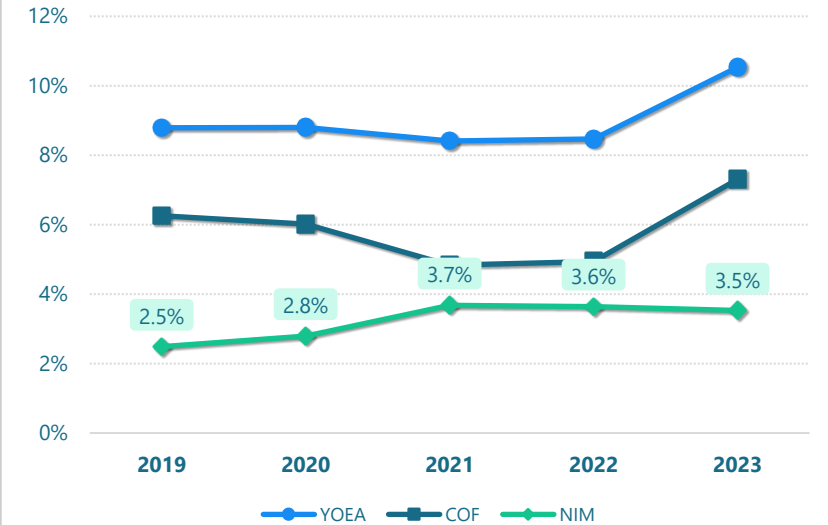
Năm **2023**, **thu nhập từ lãi thuần** của **SHB** chiếm **90.4%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **thấp hơn** năm trước (**90.7%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **2.55%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **7.02%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **7,037,837** tỷ đồng, **tăng 33.8%** so với năm trước.

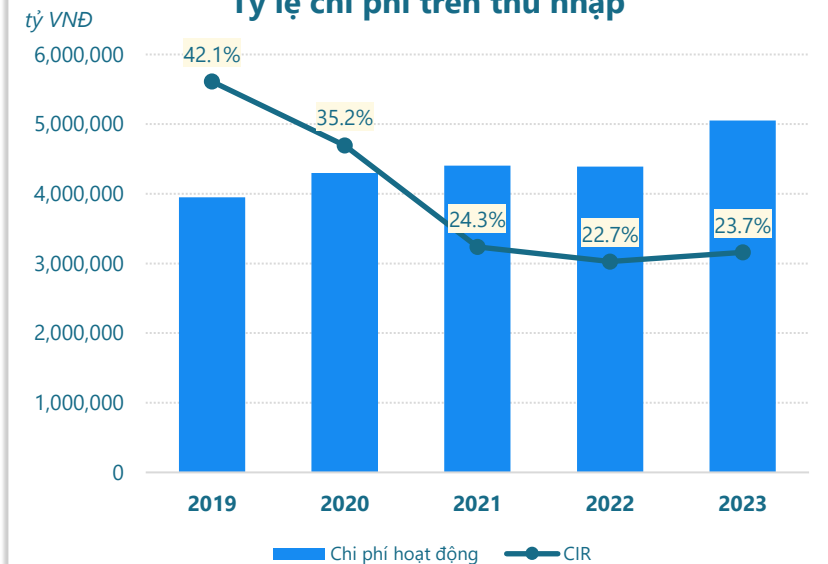
Tỷ lệ chi phí huy động vốn (**COF**) là **7.31%**, **tăng thêm 2.37 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của SHB **cao** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **2.47 đ%**, là một dấu hiệu tiêu cực cho thấy ngân hàng đang phải trả mức lãi suất cao hơn để huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

Chi phí hoạt động của **SHB** năm **2023** là **5,051,539** tỷ đồng, **tăng 15.0%** so với năm trước. Bên cạnh đó Tỷ số chi phí trên thu nhập (**CIR**) bằng **23.7%** cũng **cao hơn** năm trước **0.97 đ%** cho thấy chi phí hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với thu nhập hoạt động. CIR của SHB **cao hơn** CIR trung bình ngành (**23.2%**) là **0.47 đ%**, ngân hàng cần tối ưu hóa chi phí, tăng thu nhập và quản lý rủi ro để

Tỷ suất sinh lợi, Chi phí

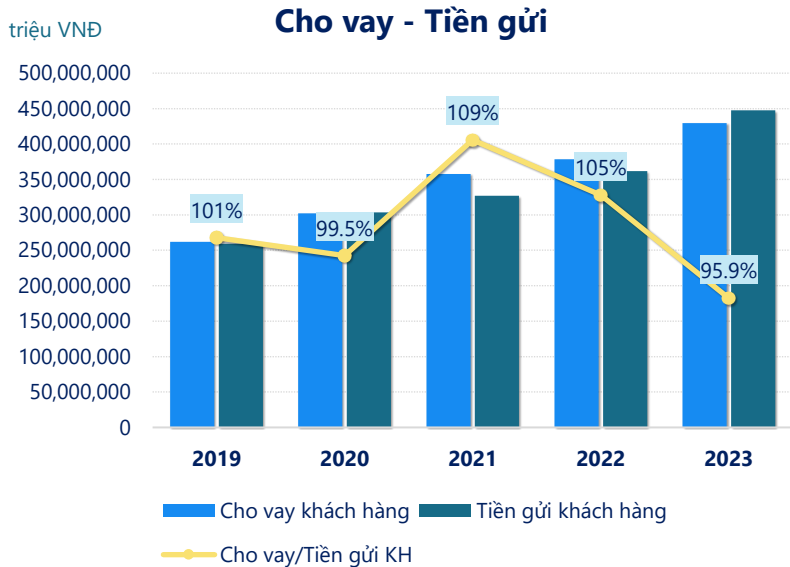


Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

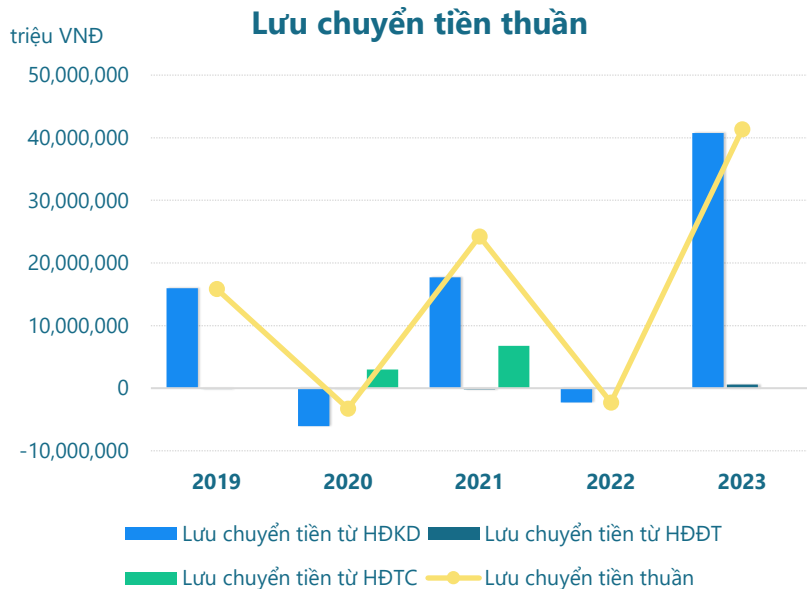


Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

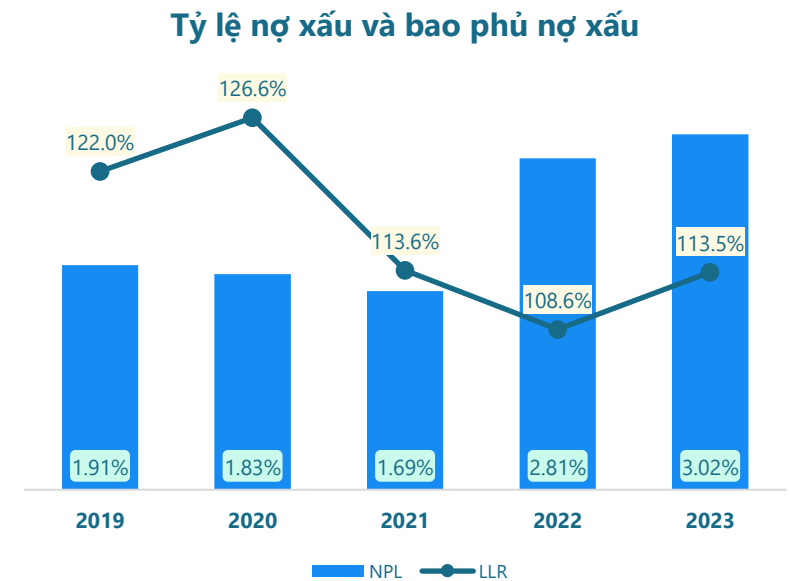
Lưu chuyển tiền thuần năm **2023** của **SHB** dương **41,359,694** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **40,770,417** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) bằng **3.02%** tăng lên so với năm trước cho thấy chất lượng tài sản của ngân hàng đang giảm, có nhiều khoản vay thành nợ xấu hơn. Tuy nhiên, ngân hàng cũng đã chủ động trong việc tăng cường dự phòng cho các khoản nợ xấu qua Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (**LLR**) tăng lên bằng **113%**.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **SHB** đạt **429,362,729** tỷ đồng, **tăng trưởng 13.4%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **447,503,426** tỷ đồng, **tăng trưởng 23.7%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** đạt **96.0%** và thấp hơn so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang hoạt động trong ngưỡng an toàn và hoạt động cho vay so với huy động vốn đang giảm dần.





Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	9,933,199	15,570,349	17,550,084	19,285,353
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	522,749	585,623	890,554	544,927
Lãi thuần từ KD ngoại hối	124,713	143,539	116,250	282,207
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	1,293,111	988,410	92,641	39,103
Lãi thuần từ HĐ khác	348,570	861,347	687,227	433,636
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	-14,931	3,750	4,226	743,171
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	12,207,411	18,153,018	19,340,982	21,328,397
Chi phí hoạt động	4,299,189	4,405,941	4,391,593	5,051,539
LN trước dự phòng	7,908,222	13,747,077	14,949,389	16,276,858
Chi phí dự phòng	4,640,222	7,487,035	5,260,021	7,037,837
LN trước thuế	3,268,000	6,260,042	9,689,368	9,239,021
Thuế	660,988	1,252,881	1,960,450	1,914,263
LN sau thuế	2,607,012	5,007,161	7,728,918	7,324,758
LN ròng	2,607,012	5,007,161	7,728,918	7,324,758

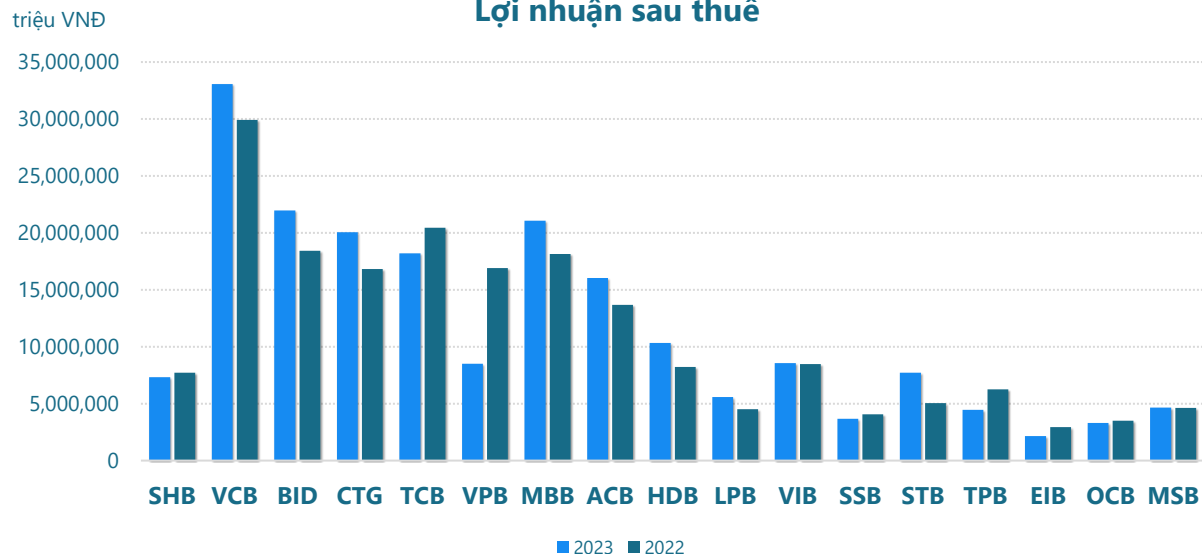
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6,071,092	17,690,349	-2,263,194	40,770,417
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-130,401	-199,689	-45,759	589,442
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2,959,115	6,738,501	-122	-165
Tiền đầu kỳ	50,822,384	47,580,006	71,809,167	69,500,092
Lưu chuyển tiền thuần	-3,242,378	24,229,161	-2,309,075	41,359,694
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47,580,006	71,809,167	69,500,092	110,859,786

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	412,679,593	506,604,328	550,904,120	630,500,685
Tiền và TĐ tiền	1,619,927	1,878,293	1,897,545	1,370,849
Tiền gửi tại NHNN	14,806,140	14,352,057	15,145,862	54,763,646
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	31,250,514	64,131,782	63,008,862	63,548,928
Chứng khoán kinh doanh	960	3,245	1,547	7,792,742
Các CCPS và các TS TC khác	133,872	252,448	269,772	0
Cho vay khách hàng	302,199,056	357,778,608	378,575,443	429,362,729
Chứng khoán đầu tư	28,639,598	25,104,577	32,954,676	32,063,660
Góp vốn đầu tư dài hạn	133,140	131,652	46,699	414,448
Tài sản cố định	4,866,063	4,978,978	4,954,396	5,229,416
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	29,030,323	37,992,688	54,049,318	35,954,267
Tổng nợ	388,643,373	471,072,663	507,999,649	580,402,405
Các khoản nợ CP và NHNN	609,712	1,510,983	9,715,193	1,333,658
Tiền gửi và vay các TCTD khác	38,962,390	79,732,550	78,283,936	70,766,294
Tiền gửi khách hàng	303,581,729	327,196,828	361,675,593	447,503,426
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	0	97,152
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	3,512,967	4,952,170	1,615,605	1,611,235
Phát hành giấy tờ có giá	31,034,079	46,292,114	36,440,208	42,821,727
Các khoản nợ khác	10,942,496	11,388,018	20,269,114	16,268,913
Vốn chủ sở hữu	24,036,220	35,531,665	42,904,471	50,098,280
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

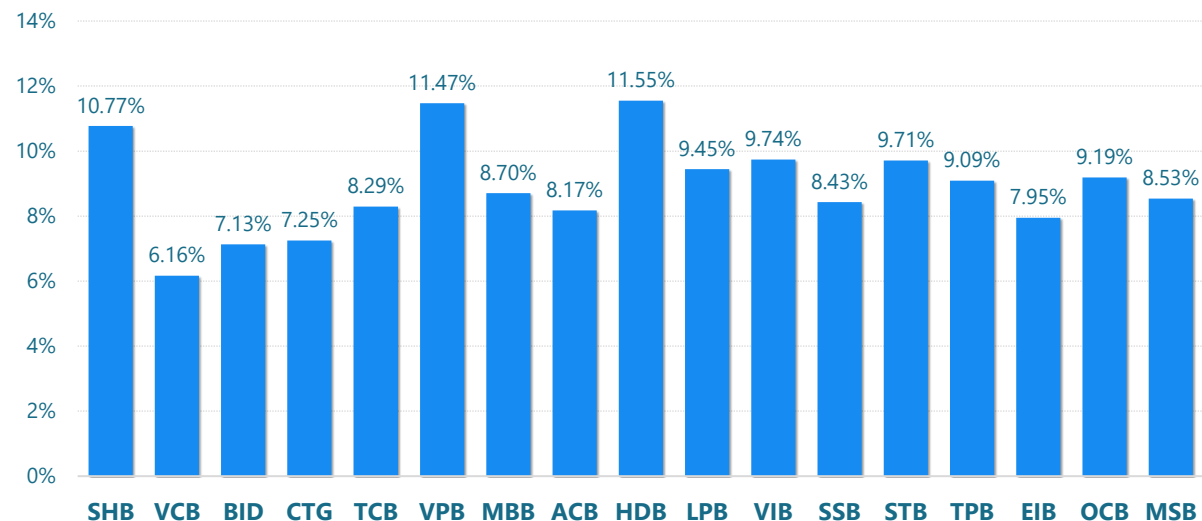


Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

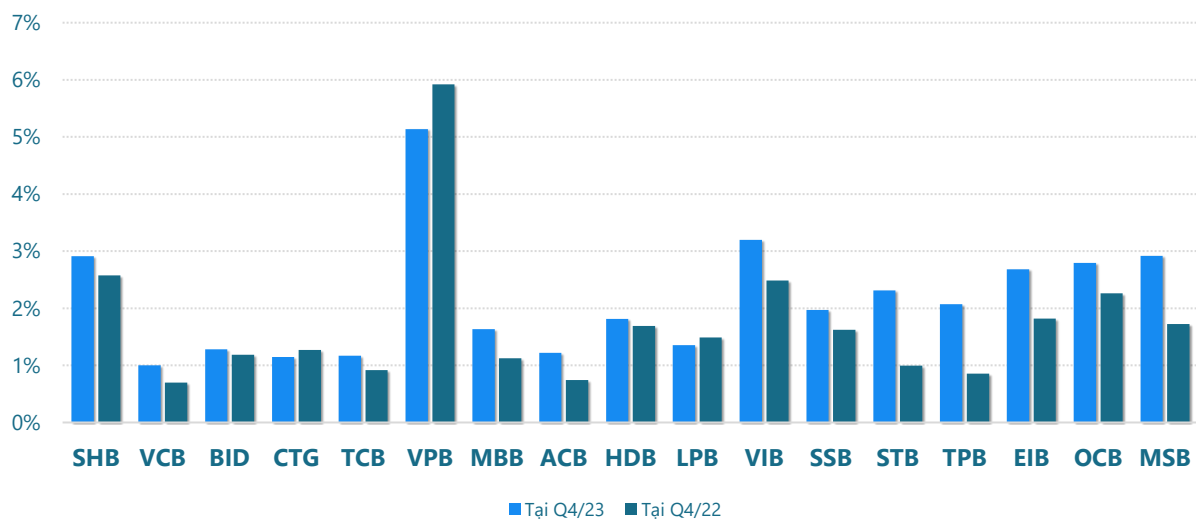
Lợi nhuận sau thuế



Tỷ suất sinh lợi của Tài sản sinh lãi (YOEA)



Tỷ lệ nợ xấu



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **EIB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **2,165,099** tỷ đồng (**giảm đi 26.5%**). Còn lợi nhuận sau thuế của **SHB** đạt **7,324,758** tỷ đồng (**giảm đi 5.23%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEA**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **SHB** đạt mức tỷ suất là **10.8%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **SHB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **2.91%**, xếp **thứ 4** trong nhóm mã trên.